



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 04/2026

(20/01/2025 – 26/01/2026)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, tuần qua sắc xanh phần khởi bao trùm thị trường. Chỉ số BDI tăng 349 điểm (↑21,1%) lên 1.999 điểm – mức tích lũy cao nhất một tuần trong vòng bốn tháng qua. Thông thường, thị trường có xu hướng trầm lắng vào gần dịp Tết nguyên đán nhưng năm nay, hoạt động nhập khẩu quặng ở Trung Quốc vẫn đang rất tích cực với nguồn cung ứng đa dạng (Tây Úc, bờ Đại Tây Dương của Châu Phi, Brazil). Nhờ đó, khối lượng hàng hoá vận chuyển ở phân khúc Capesize, Panamax được cải thiện. Tổng quan các chỉ số thuê tàu tuần qua như sau: Capesize với mức cước khoẻ mạnh đã bức tốc vọt lên 812 điểm (↑33,79%), nâng tổng tích lũy là 3.215 điểm. Panamax, sau khi tăng mạnh tuần trước nay dịu lại, tăng thêm 104 điểm (↑6,8%) lên 1.625 điểm. Các phân khúc nhỏ hơn có tốc độ tăng trưởng khá khiêm tốn: Supramax tăng thêm 69 điểm (↑7,1%) lên 1.039 điểm, Handysize tăng 15 điểm (↑2,5%) lên 604 điểm. Đối với mảng mua bán tàu, số thương vụ mua bán tàu ghi nhận chỉ hơn một nửa so với tuần trước. Một vài giao dịch đáng chú ý ở phân khúc Panamax như sau: tàu **Global Bonanza** (74.916 dwt, đóng 2011 Nhật, DD/SS 04/2026) được bán thành công với giá khoảng 15,3 triệu đô la Mỹ - mức khá rẻ do cận đà. Tàu tương tự **KT Birdie** (74.886 dwt, đóng 2011 Nhật, DD 08/2028, SS 10/2030) về tay Người mua Hy Lạp với giá cao hơn khoảng 16,5 triệu đô la Mỹ do vừa qua đà. Hiện nay dòng tàu Panamax còn trẻ khá hiếm. Sang phân khúc Supramax, chủ tàu Ấn Độ bán tàu **The Loving** (58.701 dwt, đóng 2007 xưởng Tsuneishi Cebu, Philippines, DD 08/2028, SS 08/2030) với giá khoảng 11,97 triệu đô la Mỹ. Mức này tương tự tàu **Lycavitos** (58.786 dwt, đóng 2007 xưởng Tsuneishi Cebu, Philippines, DD/SS 03/2027) hay tàu **Meteora** (58.740 dwt, đóng xưởng Tsuneishi Cebu, Philippines, DD/SS 12/2026) đều bán trong tháng 9/2025 với giá lần lượt khoảng 12 và 11,85 triệu đô la Mỹ. Tàu trẻ hơn **Indigo Spica** (58.052 dwt, đóng 2014 Nhật, DD 06/2027, SS 07/2029) đã bán thành công với giá khoảng 20,5 triệu đô la Mỹ. Giá này khá cao do chủ tàu Nhật bảo dưỡng tốt, tàu thuộc dòng eco tiết kiệm nhiên liệu. Trong khi đó, tàu **Spyros Trader** (53.408 dwt, đóng 2008 Trung Quốc, DD 04/2026, SS 03/2028) được bán với giá khoảng 9 triệu đô la Mỹ - mức này mềm nhất thị trường do sắp lên đà trung gian. Ở phân khúc Handysize, trước đó có thông tin cập tàu **Yangtze Grace** và **Yangtze Happiness** (32.300 dwt đóng 2012 Trung Quốc, DD/SS 07-08/2027) được chốt với giá khoảng 9,8 triệu đô la Mỹ/tàu. Nay được bán cáo bán thành công với giá xung quanh 10,1 triệu đô la Mỹ/tàu.

Ở mảng tàu dầu/hoá chất, tuần qua chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) tăng nhẹ 48 điểm (↑3%) lên 1.646 điểm. Chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) cũng nhích nhẹ thêm 61 điểm (↑7,35%) lên 890 điểm. Kỳ nguyên dầu giá rẻ từ Nam Mỹ (Venezuela) sang Châu Á đang dần đến hồi kết và sẽ phản ánh rõ rệt trong vòng vài tháng tới khi lượng dầu dự trữ hiện tại vơi dần. Điều này chắc chắn tạo ra bước ngoặt cho các tuyến đường thương mại toàn cầu, ảnh hưởng đến lợi nhuận của các nhà máy lọc dầu và các chủ tàu chở dầu phải điều chỉnh lại chiến lược kinh doanh của mình. Tuần qua, trong số hơn 20 thương vụ mua bán tàu thì tàu VLCC chiếm trọn 10 tàu (trong đó 9 tàu về tay công ty Sinokor Maritime), Suezmax và

Aframax lần lượt ghi nhận 4 và 3 tàu bán, còn lại vài giao dịch LR nhỏ lẻ và MR. Nhu cầu quan tâm đối với tàu trẻ đóng mới và hiện đại ngày một tăng – các mức tham chiếu liên tục được thiết lập mới. Nhờ vậy, các tàu già cũ vốn khó thanh khoản cũng được quan tâm trở lại. Tàu MR chemical trẻ **Green Planet** (50.844 dwt, đóng 2014 Hàn Quốc, DD 04/2027, SS 04/2029) được chủ tàu Hy Lạp bán với giá khoảng 31 triệu đô la Mỹ - mức khá hợp lý trong thời điểm hiện nay. Tháng 9/2025, tàu chị em **Green Sky** (50.879 dwt, đóng 2014 Hàn Quốc, DD 07/2027, SS 06/2029) được chốt với giá khoảng 30,5 triệu đô la Mỹ. Tiếp theo, một chủ tàu Hy Lạp đã bán tàu chemical **Ocean Spirit** (49.995 dwt, đóng 2012 Hàn Quốc, dòng eco, DD/SS 10/2027) với giá khoảng 27,2 triệu đô la Mỹ. Mức này hợp lý nếu so với tàu chemical **Doric Pioneer** (51.565 dwt, đóng 2013 Hàn Quốc, dòng eco, DD 01/2026, SS 01/2028) về tay Người mua Gesco với giá khoảng 29,2 triệu đô la Mỹ vào đầu tháng này.

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Ally	2005	Japan	185,897	37.00	Undisclosed	Scrubber fitted, DD 07/2028, SS 04/2030
Mikata	2005	Japan	177,173			Scrubber fitted, DD 07/2028, SS 06/2030
Yangze 903	2012	China	93,243	12.70	Undisclosed	DD/SS 04/2027
KT Birdie	2011	Japan	74,886	16.50	Greek	DD 08/2028, SS 10/2030
Global Bonanza	2011	Japan	74,916	15.30	Undisclosed	DD/SS due 04/2026
Mitsos	2013	China	63,526	20.50	Chinese	DD due 09/2026, SS 06/2028
The Loving	2007	Tsuneishi Cebu, Philippines	58,701	11.97	Undisclosed	DD 08/2028, SS 08/2030, Indian owners
Indigo Spica	2014	Japan	58,052	20.50	Undisclosed	DD 06/2027, SS 07/2029, Japanese owners
Syros Trader	2008	China	53,408	9.00	Chinese	DD due 04/2026, SS 03/2028
MDM Bromo	2007	China	53,633	8.10	Undisclosed	DD/SS 07/2027, Indonesian owners
Jessica B	2003	China	37,384	Undisclosed	Undisclosed	Ice class 1C, DD due 03/2028, SS 03/2028, Canadian owners
Yangtze Grace	2012	China	32,503	10.10	Chinese	Log-fitted, DD/SS 06/2027
Yangtze Happiness	2012	China	32,377	10.10		Log-fitted, DD/SS 08/2027
South Spirit	1998	Japan	29,482	Undisclosed	Lebanese	OHBS, DD due 04/2026, SS 05/2028, Turkish owners
TANKERS						
Cobalt Nova	2011	China	318,757	77.90		Scrubber fitted, DD/SS 11/2026
Cyan Nova	2011	China	318,663	75.20	Sinokor Maritime	Scrubber fitted, DD/SS due 04/2026
Blue Nova	2011	China	297,085	70.00		Scrubber fitted, DD/SS 08/2026

CSSC Liao Ning	2020	China	307,880	112.00	Greek	Incl TC to Koch at USD41k pd until 05/2026 + 1 year option at USD50k pd, scrubber fitted, SS 05/2030
Cape Aspro	2010	Japan	301,583	68.00	Sinokor Maritime	Old sale, DD 04/2028, SS 03/2030
Seaways Liberty	2016	China	300,973			DD/SS 08/2026
Seaways Cape Henry	2016	China	300,932			Scrubber fitted, DD/SS due 03/2026
Seaways Triton	2016	China	300,932	Undisclosed	Sinokor Maritime	DD/SS due 01/2026
Seaways Diamond Head	2016	China	299,989			DD/SS 10/2026
Seaways Hendricks	2016	China	299,983			DD/SS due 05/2026
Dilong Spirit	2009	China	159,021	42.50	Greek	DD 06/2028, SS 12/2029
Sonangol Namibe	2007	Korea	158,425	34.00	Greek	DD/SS 03/2027
Arctic Star	2026	China	156,790	99.30	Okeanis Eco Tankers	Dely Q2/2026, scrubber fitted
Tromso Star	2026	China	156,790	99.30		Dely Q2/2026, scrubber fitted
Elandra Tern	2024	Hyundai Vinashin, Vietnam	109,999	84.00	UAE-based	Sold enbloc with M/V Elandra Swift last week , scrubber fitted, DD 03/2027, SS 03/2029
Ionic Artemis	2009	Japan	107,605	35.60	Undisclosed	DD 09/2027, SS 09/2029
United Venture	2010	Japan	105,304	Undisclosed	Undisclosed	DD 01/2027, SS 01/2029
Aristarchos	2017	Japan	79,905	44.00	Greek	DD/SS 02/2027
Hafnia Shinano	2008	China	76,594	15.00	Undisclosed	DPP, DD 01/2027, SS 10/2028
Star Merlin	2007	Japan	53,755	14.40	Undisclosed	CPP, DD/SS 02/2027
Okee Ulf	2006	Japan	53,688	12.90	Undisclosed	CPP, DD/SS freshly passed 12/2025, DD 12/2028, SS 11/2030
Green Planet	2014	Korea	50,844	31.00	Undisclosed	Chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD 04/2027, SS 04/2029, Greek owners
Ocean Spirit	2012	Korea	49,995	27.20	Undisclosed	Chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, electronic M/E, DD/SS 10/2027, Greek owners
Sky Dweller	2004	Japan	46,319	10.90	Undisclosed	Old sale, chemical IMO II/III, epoxy coated, DD/SS 11/2027
CONTAINER						
NB Hull YH342	2026	China	57,660	52.00	MSC	4350 teu

A-Rex Dexterity	2008	China	48,109	35.50	MSC	3534 teu, reefers 500 teu, ice class II, DD due 05/2026, SS 04/2028, German owners
Erasmus Master	2009	China	21,146	18.00	MSC	1496 teu, reefers 368 teu, ice class II, DD 07/2027, SS 07/2029, Greek owners
OTHERS						
Murou	2011	Japan	14,062	10.80	Chinese	MPP, twendecker, 571 teu, 250 feu, 310 car, heavy lifter CR 2X50T, DD/SS 07/2026, Japanese owners

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		01/ 2026	1M	3M	6M	12M	
CAPE SIZE							
180k dwt	Resale	78.00	0%	0%	3%	3%	63.50
180k dwt	5 tuổi	66.00	0%	2%	5%	6%	48.50
170k dwt	10 tuổi	50.50	0%	1%	10%	17%	34.00
150k dwt	15 tuổi	29.50	0%	7%	9%	11%	21.50
PANAMAX							
82k dwt	Resale	39.50	0%	0%	4%	-1%	38.00
82k dwt	5 tuổi	33.00	-3%	2%	8%	-3%	31.50
76k dwt	10 tuổi	26.00	-2%	0%	11%	6%	22.75
74k dwt	15 tuổi	17.00	0%	6%	13%	11%	15.00
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	38.50	-1%	0%	1%	-1%	36.00
58k dwt	5 tuổi	32.00	-6%	1%	5%	-2%	28.00
56k dwt	10 tuổi	24.50	-8%	2%	9%	5%	20.25
52k dwt	15 tuổi	15.75	0%	-2%	9%	7%	14.00
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	34.00	3%	3%	5%	-1%	30.25
37k dwt	5 tuổi	27.00	9%	2%	6%	3%	24.00
32k dwt	10 tuổi	20.25	0%	-1%	7%	7%	16.50
28k dwt	15 tuổi	11.75	0%	-2%	0%	-2%	10.50
Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		01/ 2026	1M	3M	6M	12M	
VLCC							
310k dwt	Resale	150.00	1%	1%	2%	1%	119.75
310k dwt	5 tuổi	120.00	2%	2%	3%	5%	92.00
250k dwt	10 tuổi	90.00	2%	2%	3%	6%	66.50
250k dwt	15 tuổi	62.00	5%	7%	7%	15%	47.50
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	97.50	0%	4%	4%	1%	81.75
150k dwt	5 tuổi	80.00	0%	5%	4%	4%	64.00
150k dwt	10 tuổi	64.00	0%	5%	3%	7%	48.50
150k dwt	15 tuổi	42.00	0%	5%	2%	-7%	30.00
AFRIMAX							
110k dwt	Resale	80.00	0%	7%	7%	-2%	68.50
110k dwt	5 tuổi	67.50	0%	8%	8%	1%	54.75
105k dwt	10 tuổi	55.00	0%	10%	10%	6%	41.50
105k dwt	15 tuổi	36.00	0%	6%	6%	-3%	28.00
MR							
52k dwt	Resale	53.00	0%	0%	6%	2%	46.25
52k dwt	5 tuổi	43.00	0%	0%	8%	2%	37.00
45k dwt	10 tuổi	33.00	0%	3%	10%	3%	27.50
45k dwt	15 tuổi	19.00	0%	14%	14%	-2%	18.50

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG	174,000 cbm	250.50	2	Hanwha	Alpha Gas, Greece	FH 2029	Price per unit
LNG	174,000 cbm	-	2+2	Hudong Zhonghua	TMS	2028	
LPG	14,000 cbm	409.00	2	Ecovix Estaleiro Rio Grande	Petrobas	From Q4 2029	Enbloc
LPG	7,000 cbm		3				
Tanker	306,000 dwt	118.00	4	Hengli	Dynacom	SH 2028	Price per unit, scrubber fitted
Tanker	306,000 dwt	118.00	2	Hengli	EPS	SH 2028	Price per unit, scrubber fitted
Tanker	306,000 dwt	118.00	2	Hengli	Capital Maritime	SH 2027 - 2028	Price per unit, scrubber fitted
Tanker	157,000 dwt	88.00	2	Hyundai Samho	JHI Steamship	Q4 2028 & Q1 2029	Price per unit

Tanker	157,000 dwt	80.00	2	New Times, China	TMS	2029	Price per unit
Tanker	157,000 dwt	79.00-79.50	1	Samsung Vietnam	Zodiac Maritime	-	
Tanker	115,000 dwt	-	1	Hengli	European	Q2 2027	
Tanker	115,000 dwt	70.00	1	Wanlong SHI Zhejiang	Jiayang Shipping, Hong Kong	Feb 2028	
Tanker	115,000 dwt	75.00	+2	Hyundai Vietnam	Stealth Maritime	FH 2029	Price per unit
Tanker	50,000 dwt	45.40	2+2	Yangzijiang	D'Amico	FH 2029	Price per unit
Bulker	210,00 dwt	-	2	DACKS, China	Kumiai Navigation, Singapore	2029	
Bulker	181,000 dwt	74.00	2	Hengli, China	Capital Maritime	SH 2027-2028	Price per unit
Bulker	82,500 dwt	36.00	2	China shipyard	Safe Bulkers	Q3 2028 – Q1 2029	Price per unit
Bulker	63,500 dwt	33.50	4	Jiangsu New Hantong	Ulthalden, Norway	2027-2028	Price per unit
Container	3,000 teu	47.50	4	China Merchants Jinling	China Merchants Energy Shipping	2027-2028	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	01/2026	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	71.5	0.00%	0.00%	0.00%	-5.92%
Panamax (77.000 dwt)	36.5	0.00%	0.00%	-1.35%	-2.01%
Supramax (61.000 dwt)	33.5	0.00%	0.00%	-1.47%	-3.60%
Handysize (37.000 dwt)	29.5	0.00%	0.00%	-1.67%	-3.28%

Giá trị tàu dầu đầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	01/2026	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	128.0	0.00%	0.00%	0.00%	-2.29%
Suezmax (170.000 dwt)	86.0	0.00%	0.00%	0.00%	-0.58%
A.max (115.000 dwt)	74.0	0.00%	0.00%	0.00%	-3.27%
MR (56.000 dwt)	52.0	0.00%	-0.00%	0.00%	-4.59%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Chỉ số cước trung bình phân khúc **Supramax** tuần qua đóng cửa ở mức 12.975 đô la Mỹ, tăng 755 đô la Mỹ so với mức 12.220 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường đã trải qua một tuần khởi sắc một cách chậm rãi; tâm lý thị trường dần cải thiện và người ta bắt đầu cảm thấy áp lực đè nặng từ đầu năm dường như đang dần giảm bớt. Mặc dù tổng khối lượng chốt hợp đồng nhìn chung vẫn khá thấp và phần lớn các hoạt động vẫn bị chi phối bởi nhu cầu điều động vị trí tàu hơn là do nhu cầu hàng hóa thực tế tăng vọt, nhưng tâm lý thị trường đang ngày càng hướng tới sự ổn định và giữ giá ở một số khu vực nhất định.

Chỉ số cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 10.793 đô la Mỹ, tăng 215 đô la Mỹ so với mức 10.578 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường duy trì trạng thái khá cân bằng trong tuần này, với tâm lý vững vàng ở một số khu vực trong khi các khu vực khác vẫn ổn định. Tại khu vực Continent - Địa Trung Hải, một số nhu cầu chở hàng mới đã xuất hiện, mặc dù mức cước phí nhìn chung vẫn đi ngang và có ít hoạt động được ghi nhận. Tại khu vực Vịnh Hoa Kỳ và Nam Đại Tây Dương, mặc dù chỉ số tăng lên, nhưng đã có những dấu hiệu cho thấy thị trường sẽ suy yếu do danh sách tàu trống đang tăng lên đáng kể. Hoạt động thị trường trên khắp châu Á nhìn chung vẫn trầm lắng, dù tâm lý khá tích cực. Cước phí tại Đông Nam Á đã cải thiện khi nguồn cung tàu thắt chặt, được hỗ trợ bởi lượng hỏi thuê gia tăng từ Úc. Tại khu vực Viễn Đông, các chủ tàu cho thấy sự kiên định hơn trong bối cảnh nguồn cung tàu vào cuối tháng 1 hạn chế, góp phần vào những cải thiện khiêm tốn về mức cước. Hoạt động thuê tàu định hạn cũng đã bắt đầu khởi sắc khi các nhà khai thác kỳ vọng thị trường sẽ sôi động hơn sau Tết Nguyên đán.

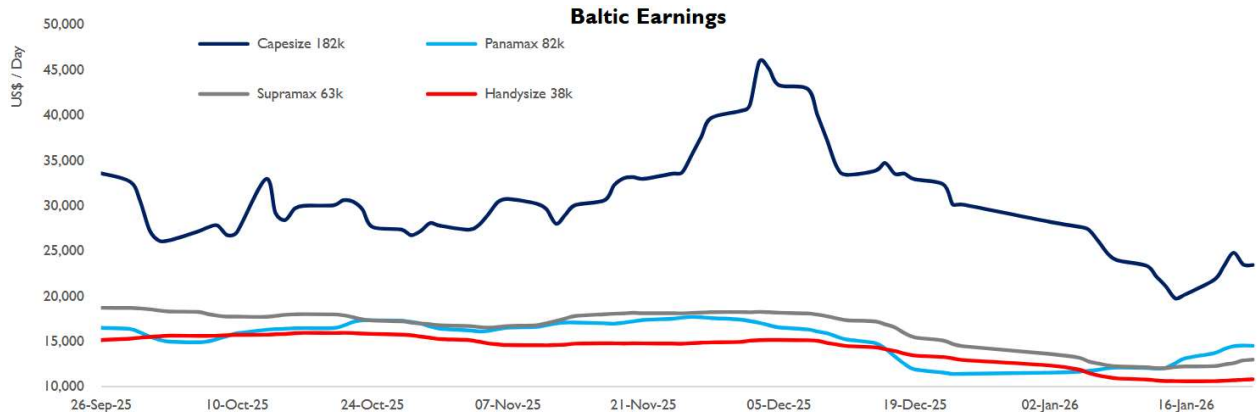
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 26/01/2026

US\$/ngày

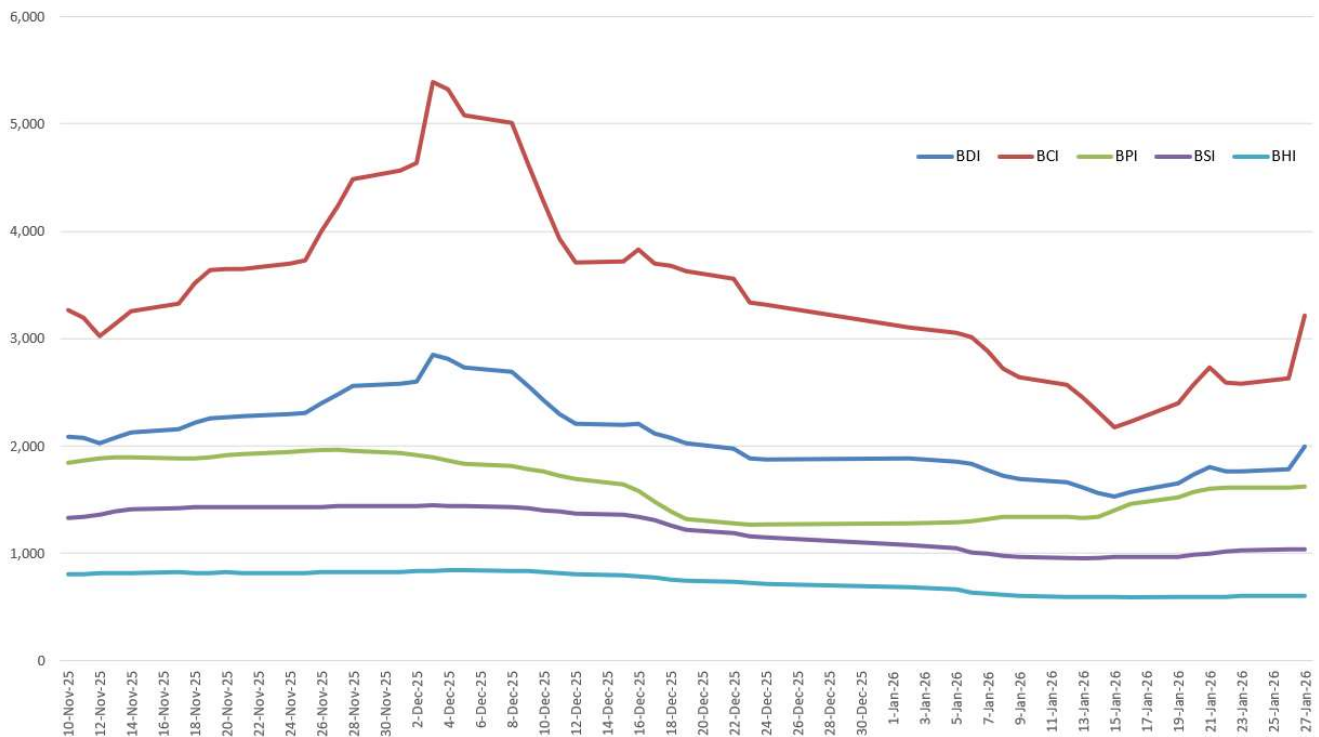


SUPRAMAX	10.941	▲	755
HANDIES 38K	10.793	▲	215

(so sánh với giá trị ngày 19/01/2026)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 60,63 đô la Mỹ/thùng – giảm 0,7 % so với giao dịch phiên trước đó, trong khi giá chuẩn Brent dừng lại ở mức 65,59 đô la Mỹ/thùng – giảm 0,4%. Theo báo cáo, giá Brent và WTI ghi nhận xu hướng tăng trở lại sau một loạt phiên suy giảm trước đó, phản ánh nỗi lo ngại về khả năng gián đoạn nguồn cung toàn cầu khi các căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông tiếp tục kéo dài và lan rộng. Trong diễn biến khác, căng thẳng giữa Mỹ và Iran tiếp tục khiến thị trường dầu mỏ thận trọng.

Nhà phân tích nhận xét giá dầu đang giao dịch trong trạng thái chờ đợi, cho đến khi có thêm thông tin về cách chính quyền Mỹ xử lý vấn đề Iran. Bên cạnh đó, tiến trình đàm phán hòa bình giữa Ukraine, Nga và Mỹ, cùng với việc OPEC có khả năng giữ nguyên sản lượng tại cuộc họp tiếp theo, tiếp tục là những yếu tố gây áp lực lên giá dầu. Bên lề, đợt bão tuyết cuối tuần qua ở Mỹ đã làm tê liệt hạ tầng năng lượng và lưới điện, khiến các nhà sản xuất dầu Mỹ đã mất đến 2 triệu thùng/ngày, tương đương khoảng 15% tổng sản lượng quốc gia. Tuy tình hình đã cải thiện từ đầu tuần, song dự kiến hoạt động hạ tầng năng lượng sẽ phục hồi hoàn toàn trước ngày 30.1.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Thị trường tàu VLCC tại khu vực Trung Đông duy trì xu hướng ổn định trong tuần thứ ba liên tiếp, khi nhu cầu chủ yếu đến từ các người tàu Trung Quốc, tập trung trong khoảng thời gian ngắn hạn này. Qua đó, cước trên tuyến Trung Đông/Trung Quốc hiện quanh mức WS 126. Chủ tàu đang nắm lợi thế khi căng thẳng địa chính trị làm cho người thuê tàu thận trọng hơn. Tại khu vực Đại Tây Dương, cước trên tuyến Tây Phi/Trung Quốc giảm nhẹ xuống mức WS 117, tuy nhiên nhìn chung thị trường vẫn tích cực.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Trung Đông/ Trung Quốc	116.448	94.971	↓
	USG/Trung Quốc	93.459	92.968	↓
Phân khúc tàu Suezmax	Theo ghi nhận, phân khúc tàu Suezmax tại khu vực Tây Phi ghi nhận số lượng tàu có sẵn cao trong khu vực từ tuần trước kết hợp với nhu cầu yếu kém, lượng tàu dư thừa càng thêm áp lực, khiến cước giảm 21 điểm. Đơn cử, cước trên tuyến Nigeria/UKC kết thúc tuần ở mức thấp – WS 149. Tại Trung Đông, thị trường có một tuần tích cực hơn, khi tuyến đi Địa Trung Hải nhích nhẹ lên WS 113.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Tây Phi / Cont	79.480	71.348	↓
	Guyana / UKC	75.510	70.238	↓

Phân khúc tàu Aframax

Phân khúc Aframax ghi nhận sự sôi động tại khu vực Địa Trung Hải, ghi nhận cước trên tuyến Ceyhan/Lavera kết thúc tuần với xu hướng tăng, lên khoảng 51 điểm – chốt ở mức WS 259. Bên cạnh đó, số lượng tàu có sẵn giảm dần, thúc đẩy chủ tàu tăng cước lên cao hơn. Tại khu vực Đại Tây Dương, căng thẳng và những biến động liên quan đến Venezuela đã đẩy cước tuyến EC Mexico/USG tăng lên WS 327. Nhìn chung tâm lý thị trường vẫn rất mạnh, tiếp tục giữ kỳ vọng của chủ tàu ở mức cao.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
UKC / UKC	67.236	101.085	↑
Med / Med	69.473	97.919	↑
USG / Cont	67.192	92.918	↑
EC Mex / USG	93.547	109.050	↑

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

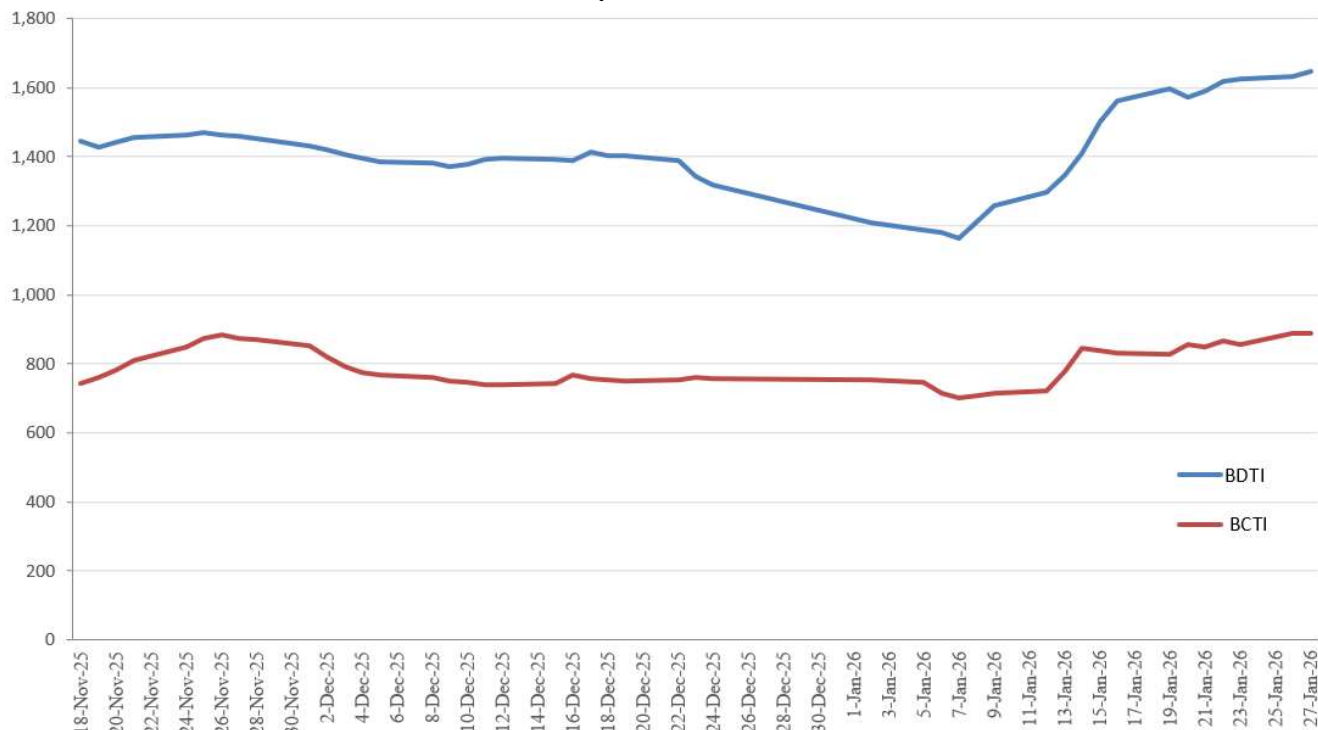
Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Thị trường tàu MR tại khu vực Địa Trung Hải nhìn chung khá trầm lắng trong tuần qua. Khối lượng hàng hóa khá khan hiếm, tuy nhiên do số lượng tàu rỗng bổ sung đã giảm sau giai đoạn thị trường Mỹ hoạt động mạnh trước đó, do đó số lượng tàu có sẵn vẫn thắt chặt cho các ngày của tháng Hai. Hiện tại, cước trên tuyến Med/UKC được đánh giá quanh mức WS 170, trong khi tuyến đi Tây Phi ở khoảng mức WS 180. Đề thuyết phục một tàu MR từ bỏ lô hàng 30.000 tấn chuyển sang tuyến X-Med, cước phải duy trì ở quanh mức WS 200. Bên cạnh đó, cước trên tuyến TA nhiều khả năng vẫn giữ ở mức WS 140, vẫn đủ hấp dẫn để chủ tàu cân nhắc hành trình sang thị trường Mỹ. Đối với các lịch trình đầu tháng Hai, người thuê tàu dự kiến sẽ có thêm lựa chọn trong việc ký kết, song yếu tố thời tiết vẫn là rủi ro cần lưu ý. Phân khúc tàu Handysize tại khu vực Địa Trung Hải tiếp tục trải qua một tuần biến động mạnh, chủ yếu do ảnh hưởng của thời tiết. Diễn biến tuần này gần như lặp lại tuần trước, nhưng xuất phát từ mức cước cao hơn khoảng 50 điểm. Đến cuối ngày thứ Tư, cước tuyến x-Med đã được lập lại ở mức WS 300, lần đầu tiên kể từ 11/2024. Trong vòng 24 giờ tiếp theo, thị trường chững lại với ít giao dịch, tuy nhiên hoạt động sau đó ổn định và mức cước gần nhất được báo cáo khoảng WS 250. Dự kiến tuần tới sẽ xuất hiện thêm nhiều tàu tập trung cho lịch trình đầu tháng Hai, song điều kiện thời tiết vẫn có thể tiếp tục tạo động lực đẩy cước tăng trở lại.

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Thị trường hóa chất tại các hoạt động đi khu vực phía Bắc lẫn Nam đều duy trì trạng thái ảm đạm và xu hướng chậm. Petronas và Hengyi tiếp tục gây áp lực giảm cước đối với các lô hàng về phía Bắc trong tháng Hai. Thị trường dầu cò cho tháng Hai có dấu hiệu tăng, chủ yếu kỳ vọng thuế sẽ tăng từ tháng Ba. Cước cho các tuyến đến ECI và WCI cũng đã tăng theo. Hiện tại, cước cho các lô hàng 18.000 tấn đi WCI được kỳ vọng ở mức 38 – 39 đô la Mỹ/tấn, trong khi các lô nhỏ hơn khoảng 12.000 tấn đi ECI đang được chốt quanh mức 31 – 32 đô la Mỹ/tấn. Đối với lô hàng Axit, nguồn cung hiện vẫn chủ yếu từ châu Âu thay vì châu Á, do sự can thiệp của chính phủ nhằm hạn chế số lượng xuất khẩu cũng như giá hàng cao. Trong tuần qua đã có khá nhiều giao dịch bị hủy do các nhà giao dịch không đạt được mức giá phù hợp để ký kết. Thị trường Trung Đông tiếp tục trong trạng thái ảm đạm, khi tâm lý chủ tàu chịu nhiều áp lực và sẵn sàng làm mọi cách để giải phóng tàu. Sự tranh chấp về cước diễn ra gay gắt, một số chủ tàu chấp nhận phá giá mạnh chỉ để đảm bảo tàu có hàng. Đơn cử, cước cho tuyến AG/WCI đẩy xuống mức 22 – 24 đô la Mỹ/tấn và đã có trường hợp chủ tàu chào lô hàng 8.000 tấn cho Jubail/Taiwan + Ulsan ở mức 50 đô la Mỹ/tấn. Đây là những ví dụ cực đoan cho thấy mức độ sẵn sàng hi sinh cước của một số chủ tàu để đưa tàu rời khỏi khu vực. Trong bối cảnh xung đột tại Iran đang dần lắng xuống, thị trường CPP cũng có dấu hiệu hạ nhiệt và nhiều khả năng sẽ tiếp tục xu hướng giảm trong thời gian tới.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 04/2026			Giá thuê tàu định hạn tuần 03/2026		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	59,000	51,500	46,500	59,000	51,000	46,000
SUEZMAX	44,000	35,500	32,000	43,000	35,000	32,000
AFRAMAX	38,500	33,000	29,500	38,000	32,000	29,000
LR-2	39,500	33,000	30,000	38,500	32,000	29,500
LR-1	25,500	24,000	22,000	25,000	23,500	22,000
MR	23,000	20,500	19,000	23,000	21,500	19,500
HANDY	19,500	18,000	17,000	20,000	18,500	17,500

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời			Tàu dầu			Tàu container		
		US\$	▼/▲		US\$	▼/▲		US\$	▼/▲	
1	Pakistan	420	▲	30	440	▲	30	450	▲	30
2	Bangladesh	400			420			430		
3	India	410	▲	30	430	▲	30	440	▲	30
4	Turkey	270			280			290		

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ ĐỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 04/2026

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/t)	DWT	Comments
Sheng Le C	Bulker	1996	10,177	-	401.00	27,940	As is Oman, incl 250T bunkers
Lumoso Permai	Bulker	1994	7,628	-	375.00	45,216	As is Malaysia
Aisha Sarwar	Bulker	2000	7,197	Bangladesh	-	48,265	
Quartz	Tanker	1996	9,423	-	435.00	46,116	As is Singapore, bunkers incl in LDT
Seapeak Mars	LNG	2004	29,685	-	412.00	77,213	As is Malaysia, incl 500T bunkers
Wan Hai 503	Container	2005	18,037	Dubai	-	52,146	To be recycled in Dubai at Dry Dock World

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIỀN PHONG PIONEER SHIPBROKERS MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) | opn@pioneershipbrokers.com (chartering)

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*